

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 11 - 2020
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Ông Thượng Văn Kình.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N T P, sinh năm 1975; địa chỉ: Số ... Đại Lộ Bình Dương, Khu phố C L , phường C M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông N T L, sinh năm 1975; địa chỉ: Số ... Đại Lộ Bình Dương, Khu phố C L , phường C M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Số 23, Quyền số 01 ngày 18/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến những năm gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bị đơn thường xuyên có những lời lẽ mang tính xúc phạm nguyên đơn. Qua nhiều lần như vậy và kéo dài nên nguyên đơn đã chuyển ra ngoài sinh sống. Vợ chồng cũng ly thân từ tháng 02/2020. Từ đó vợ chồng cũng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn là trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung, con chung thứ nhất sinh năm 1998 đã trưởng thành, khả năng nhận thức và lao động bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Con chung thứ hai Nguyễn Trọng Tấn, sinh ngày 10/12/2003. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Trọng Lợi trong quá trình giải quyết vụ án trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất về quá trình kết hôn, chung sống, ly thân như nguyên đơn trình bày. Mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên nguyên đơn chuyển ra ngoài sinh sống từ tháng 02/2020, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn mong muốn vợ chồng được đoàn tụ và nhưng nguyên đơn đều từ chối. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con chung.

- *Về con chung*: Thống nhất về trình bày của nguyên đơn về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bị đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung N T T, sinh ngày 10/12/2003 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của con chưa thành niên*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của con chưa thành niên Nguyễn Trọng Tấn. Cháu Tấn cho biết cha mẹ thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau và mẹ đã ra ở riêng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu Tấn mong muốn ở cùng mẹ.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại phường C M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt các đương sự:* Nguyên đơn, bị đơn làm đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đến với hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Số 23, Quyền số 01 ngày 18/4/1997 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) C M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng các bên đều thừa nhận những năm gần đây vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ đất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngoài ra nguyên đơn cho rằng bị đơn có những lời lẽ nặng nề, xúc phạm danh dự của nguyên đơn. Do mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ tháng 02/2020. Điều này cũng phù hợp với lời khai của con chưa thành niên. Bị đơn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhiều lần đề nghị được hàn gắn nhưng nguyên đơn không đồng ý. Như vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng các bên không còn, mâu là thuần trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] *Về con chung:* Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất có 02 (hai) con chung. Trong đó con chung thứ nhất đã thành niên, khả năng lao động và nhận thức bình thường nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì đối với con chung thứ hai N T T, sinh ngày 10/12/2003, các đương sự đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án cháu Tấn có nguyện vọng ở với mẹ. Về điều kiện nuôi dưỡng các đương sự đều thừa nhận cùng làm việc trong một công ty và có công việc, mức thu nhập ổn định như nhau. Cháu T cũng sắp trưởng thành. Vì cần giao cháu Tấn cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N T P đối với bị đơn ông N T L về ly hôn và tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T P được ly hôn với ông N T L.

- Về con chung: Giao bà N T P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung N T T, sinh ngày 10/12/2003. Về cấp dưỡng các bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà P và ông L đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N T P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0050380 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường C M, thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý